

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 14

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023



Số: 247/QĐ-MNRĐ14

Quận 6, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non Rạng Đông 14
Năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 14

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non;

Căn cứ công văn số 5081/SGDDĐT-KTKĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023 - 2024; Công văn số 58/KH-GDDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 về Kế hoạch Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023 - 2024;

Theo đề nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Mầm non Rạng Đông 14 gồm các ông (bà) có tên trong danh sách đính kèm.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá Trường Mầm non Rạng Đông 14 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) có tên trong Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Q6 (để b/c);
- Lưu: VT, HT.



Vương Thanh Điệp Thủy



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 14

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

T T	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vương Thanh Diệp Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ngô Thị Kim Hoàng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Dương Thị Kiều Phương	Văn thư	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Trúc Hương	Phó Hiệu trưởng	Thành viên Hội đồng	
5	Trần Thị Hồng Phượng	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên Hội đồng	
6	Lê Thị Hồng Kim	Bí thư Chi đoàn	Thành viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Tổ trưởng khối nhà trẻ	Thành viên Hội đồng	
8	Phạm Kim Hoa Hồng	Tổ trưởng khối mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Thành viên Hội đồng	
9	Phan Thị Mỹ Phượng	Tổ trưởng khối mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Thành viên Hội đồng	
10	Bùi Thị Thủy	Tổ trưởng khối mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Thành viên Hội đồng	
11	Hồ Tấn Lợi	Kế toán	Thành viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Diện tích khuôn viên và sân vườn	46
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	49
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	51
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	53
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	55
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ em	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	66
Mở đầu	66

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	66
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	72
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	75
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	78
Phần IV. PHỤ LỤC	79



TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	

Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.



Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Rạng Đông 14

Tên trước đây: Trường Mầm non 14

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 6

Thành phố	Hồ Chí Minh
Quận	6
Phường	14
Đạt chuẩn Quốc gia	Mức độ 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 2498/QĐ-UB, ngày 13 tháng 11 năm 2003
Công lập	x
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Vương Thanh Điệp Thủy
Điện thoại	028.66867227 0909129915
Fax	Không
Website	mnrangdong14.q6. edu.vn
Số điểm trường	01 điểm chính, 01 điểm phụ
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không



1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	03	03	03	03
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	03	04	03	03
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	03	04	03	04	04
Cộng	11	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	13	13	13	13	13	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13	
2	Phòng bán	00	00	00	00	00	

	kiên cố						
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	13	13	13	13	13	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức	13	13	13	13	13	



	ăn						
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	05	05	05	05	05	
	Cộng	49	49	49	49	49	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9/2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	24	24	02	00	01	23	
Nhân viên	12	07	00	05	06	01	
Cộng	39	34	02	05	07	27	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

S T T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	23	23	23	23	24
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	60/4	39/4	28/4	49/4	30/4
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	327/19	299/19	231/19	305/19	293/20
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	03	00	03	00
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00

...	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00
-----	---------------------------	----	----	----	----	----

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	387	338	259	354	323	
	- Nữ	194	172	125	184	167	
	- Dân tộc thiểu số	50	34	28	49	45	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	04	05	
3	Khuyết tật	01	02	00	00	00	
4	Tuyển mới	110	136	145	158	119	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	387	338	259	354	323	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	327/09	299/10	231/10	305/10	293/10	
		36,3/01	29,9/01	23,1/01	30,5/01	29,3/01	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	60/02	39/02	28/02	49/02	30/02	
		30/01	19,5/01	14/01	24,5/01	15,0/01	

	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
9	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	22	15	09	22	07	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	38	24	19	27	23	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	76	86	60	74	93	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	127	75	96	100	87	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	124	138	75	131	113	
...	Các số liệu khác	00	00	00	00	00	

5. Các số liệu khác: không có.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Rạng Đông 14 Quận 6 thành lập năm 2003. Hiện trường có 02 cơ sở: cơ sở 01 tọa lạc tại số 80/2^A Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6; cơ sở 02 tọa lạc tại số 119/1 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6. Tổng diện tích khối công trình xây dựng của 02 cơ sở là 2.848,74 m², diện tích phòng học bình quân 50 m², diện tích sân chơi 292,59 m². Trường có 13 phòng học, đầy đủ các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ khi thành lập đến nay trường đã có nhiều đóng góp tích cực đạt hiệu quả cho sự nghiệp giáo dục: tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 cùng với sự kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ em.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Số lượng 24/24 giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trong đó 23/24 giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ từ khá trở lên. Trẻ đến trường được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt, có nề nếp trong việc thực hiện các hoạt động như ăn ngủ, học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

Số trẻ trong độ tuổi của địa phương đông, nhu cầu gửi con của phụ huynh ngày càng cao. Tuy nhiên do phụ huynh học sinh là dân lao động có thu nhập thấp nên số trẻ ra lớp và nghỉ học có sự biến động thường xuyên. Trình độ nhận thức



của cha mẹ trẻ em không đồng đều, nên việc phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ còn hạn chế.

2. Mục đích tự đánh giá:

Trường Mầm non Rạng Đông 14 tiến hành thực hiện quy trình đánh giá chất lượng giáo dục nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của đơn vị; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non Rạng Đông 14 thực hiện tự kiểm định chất lượng nhà trường với quá trình tự đánh giá sau:

- Ngày 14 tháng 9 năm 2023: thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến ngày 19 tháng 9 năm 2023: xây dựng kế hoạch tự đánh giá; phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể giáo viên, nhân viên của nhà trường; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá; tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cho Hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.
- Từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 đến ngày 27 tháng 9 năm 2023: thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng; chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; thảo luận về những vấn đề nảy sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung; chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý; thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.
- Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 09 tháng 10 năm 2023: đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự

đánh giá đã sửa chữa; công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến ngày 27 tháng 10 năm 2023: viết báo cáo tự đánh giá; tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

- Ngày 01 tháng 11 năm 2023: công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. Nộp báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6.



B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường có tầm quan trọng trong việc quyết định sự phát triển của một đơn vị trường học. Để bộ máy nhà trường vận hành tốt cần có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường lâu dài, cụ thể; tổ chức và quản lý đồng bộ, hợp lý, khoa học về cơ cấu tổ chức, số lớp học, số học sinh theo chuẩn; quản lý tốt các hoạt động giáo dục; quản lý tốt công tác hành chính, tài chính và tài sản; thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Chính vì vậy, trong những năm qua, trường Mầm non Rạng Đông 14 đã từng bước xây dựng; hoàn thiện bộ máy tổ chức và thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; đề ra phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong quá trình phát triển, nhà trường từng bước xây dựng, thực hiện quản lý theo quy trình, biểu mẫu, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh trong nhà trường, hoàn thiện và phát triển nhà trường có uy tín về mọi mặt, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Mầm non Rạng Đông 14 có đề ra phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của Trường Mầm non Rạng Đông 14 giai đoạn 2020 - 2025 được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai rộng rãi trong toàn trường bằng hình thức niêm yết tại bản tin và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị [H1-1.1-02].

Mức 2

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa bằng kế hoạch năm, tháng [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Bên cạnh đó, phối hợp Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân và các bộ phận trong nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển từng năm học định kỳ theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý và học kỳ [H1-1.1-05].

Mức 3

Định kỳ, nhà trường tổ chức họp để đánh giá, rút kinh nghiệm những nội dung còn hạn chế, các vấn đề còn vướng mắc trong quá trình thực hiện để cùng khắc phục, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà

trường cho phù hợp thực tế tại đơn vị theo từng giai đoạn với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, chưa huy động được sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn. Các phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 phê duyệt và có niêm yết công khai trên bản tin và cổng thông tin điện tử của nhà trường.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và cộng đồng, cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ trẻ, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để thu hút cha mẹ trẻ và cộng đồng tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hội đồng Trường Mầm non Rạng Đông 14 được thành lập đúng quy định theo Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 6 [H1-1.2-01]. Ngoài ra, trường còn có các hội đồng khác do hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03], Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng trong nhà trường đáp ứng yêu cầu cơ cấu tổ chức, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức sinh hoạt theo quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

c) Hội đồng trường và các hội đồng khác tổ chức họp theo đúng quy định và thời điểm phù hợp với hoạt động của từng hội đồng. Các hội đồng được đánh giá về nội dung, kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng hội đồng vào cuối học kỳ, cuối năm học nhằm giúp nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường tổ chức, thực hiện hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, một vài thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các hội đồng và các hội đồng đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và được rà soát, đánh giá theo định kỳ. Hoạt động của các hội đồng luôn đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn một vài thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thành lập đầy đủ các hội đồng và tổ chức bộ máy hoạt động đúng theo Điều lệ trường mầm non; hiệu trưởng chỉ đạo các hội đồng thực hiện rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường. Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho các thành viên của Hội đồng chấm sáng kiến.

5. Tự đánh giá: đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Công đoàn cơ sở gồm có: 39/39 công đoàn viên [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Đoàn phường 14 với tổng số là 04 đoàn viên thanh niên [H1-1.3-02]. Ngoài ra, còn có Chi hội Khuyến học [H1-1.3-03] và Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức, góp phần cùng nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng theo Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế-xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2

a) Trường có chi bộ độc lập là Chi bộ Trường Mầm non Rạng Đông 14 gồm 11 đảng viên trực thuộc Đảng ủy Phường 14, có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cấp ủy Chi bộ gồm 03 đồng chí. Chi bộ Đảng và cấp ủy luôn tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng để đánh giá công tác xây dựng Đảng, các hoạt động trong nhà trường và chỉ đạo các hoạt động đoàn thể. Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ trường Mầm non Rạng Đông 14 được Đảng ủy Phường 14 công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]. Công đoàn cơ sở tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Công đoàn; chăm lo và bảo vệ quyền lợi của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động các phong trào

thi đua, vận động đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các chương trình hành động do Đoàn phường phát động [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học luôn quan tâm đến việc vận động hỗ trợ chăm lo cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-03]. Chi hội Chữ thập đỏ vận động hiến máu nhân đạo và đóng góp theo kế hoạch vận động của hội [H1-1.3-04].

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ Trường Mầm non Rạng Đông 14 luôn được Đảng ủy Phường 14 công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một số đảng viên được Đảng ủy Phường 14 khen tặng về thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác tổ chức huy động đoàn viên tích cực tham gia đóng góp, ủng hộ các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.1-04]. Công đoàn vận động đoàn viên tham gia ủng hộ quỹ: quỹ vì người nghèo, quỹ tương trợ công đoàn viên [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện ra quân dọn vệ sinh tại các con đường của địa phương, tổ chức các hoạt động về nguồn [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học vận động hỗ trợ chăm lo cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-03]; hằng năm Chi hội Chữ thập đỏ vận động từ 03 - 05 hội viên tham gia hiến máu nhân đạo tình nguyện [H1-1.3-04]. Tuy nhiên các đoàn thể, tổ chức tại đơn vị chưa vận động được sự ủng hộ về vật chất của tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để cùng phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Chi bộ và các đoàn thể luôn hoạt động tích cực, tham gia đóng góp, hỗ trợ nhiệt tình các hoạt động của địa phương. Trong 05 năm liên tiếp, Chi bộ luôn được Đảng ủy Phường 14 công nhận Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Các đoàn thể, tổ chức tại đơn vị chưa vận động được sự ủng hộ về vật chất của tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để cùng phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, đoàn viên nhiệt tình tham gia các phong trào do ngành, địa phương phát động, cũng như tham mưu với lãnh đạo các cấp để tăng cường sự hỗ trợ từ phía phụ huynh, mạnh thường quân, tổ chức ngoài nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Đến thời điểm tự đánh giá, Trường Mầm non Rạng Đông 14 có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ

quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

b) Trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn gồm: tổ nhà trẻ gồm có 04 giáo viên, tổ mẫu giáo 3 - 4 tuổi gồm có 06 giáo viên; tổ mẫu giáo 4 - 5 tuổi gồm 06 giáo viên; tổ mẫu giáo 5 - 6 tuổi gồm có 08 giáo viên và tổ cấp dưỡng gồm có 06 nhân viên cấp dưỡng; tổ văn phòng gồm: 01 văn thư, 01 kế toán, 03 bảo vệ, 01 phục vụ [H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]. Tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động của tổ hàng tháng nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản [H1-1.4-02]; [H1-1.4-04]; lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-05]. Tuy nhiên, còn một vài giáo viên trẻ chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

Mức 2

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và có thảo luận ghi chép biên bản đầy đủ [H1-1.4-06].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ 02 lần/tháng để rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp kế hoạch và tình hình thực tế, góp phần nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.4-02].

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-02].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, chuyên môn của trường: tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, trường đã tổ chức 01 chuyên đề thao giảng

cấp quận cho trường bạn tham dự; dự giờ hoạt động giáo dục, chăm sóc nhóm, lớp... góp phần nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn hoạt động có hiệu quả; tổ chức tốt các chuyên đề đón các đơn vị bạn đến tham quan học tập và trao đổi kinh nghiệm.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên trẻ chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường duy trì cơ cấu các tổ chuyên môn theo quy định của Điều lệ Trường mầm non. Hiệu trưởng trao đổi cùng tổ chuyên môn, động viên, khuyến khích giáo viên trẻ mạnh dạn phát biểu ý kiến khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non. Năm học 2023 - 2024 trường có 12 nhóm, lớp, gồm: 01 nhóm trẻ 19 - 24 tháng, 01 nhóm trẻ 25 - 36 tháng, 03 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01].

b) 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ngày và ăn trưa bán trú tại trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường mầm non [H1-1.5-02].

c) Trong các năm qua, trường không có quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật ở nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể như sau:

Năm 2019 - 2020: 01 bé (Chòi 3).

Năm 2020 - 2021: 02 bé (Lá 1, Lá 4) [H1-1.5-03].

Năm 2021 - 2022; 2022 - 2023; 2023 - 2024: không có trẻ khuyết tật.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu được giao của Ủy ban nhân dân Quận 6. 100% trẻ được phân chia vào các nhóm, lớp phù hợp theo độ tuổi và theo quy định Điều lệ Trường mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]. Tính đến tháng 9 năm học 2023 - 2024, trường có 323 trẻ được phân chia cụ thể như sau:

- 02 nhóm trẻ 19 - 36 tháng tuổi: 30 trẻ/04 giáo viên.
- 03 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 93 trẻ/06 giáo viên.
- 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 87 trẻ/06 giáo viên
- 04 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 113 trẻ/08 giáo viên

Mức 3

Năm học 2023 - 2024 trường có 02 nhóm nhà trẻ và 10 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, do trẻ nhà trẻ thể trạng yếu, hay bệnh nên sĩ số trẻ còn biến động ở mỗi tháng do phụ huynh cho bé nghỉ học.

2. Điểm mạnh

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và số trẻ trong từng nhóm, lớp được phân chia đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường mầm non. 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Sĩ số trẻ nhà trẻ còn biến động ở mỗi tháng do phụ huynh cho bé nghỉ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện công tác phân chia trẻ về nhóm lớp đúng theo độ tuổi quy định và vận động phụ huynh cho 100% trẻ học 02 buổi trên ngày tại trường. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với địa phương và phụ huynh trong việc tuyên truyền, vận động trẻ đến trường đảm bảo đủ số lượng trẻ ở mỗi nhóm, lớp theo Điều lệ Trường mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách được sắp xếp khoa học và lưu trữ theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 3 năm 2020. Hồ sơ được lưu tại các bộ phận chuyên môn của nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập, được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ [H1-1.4-05].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.4-04]. Thực hiện công khai tài chính hằng tháng qua bản tin của trường [H1-1.1-02]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-01].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Mức 2

a) Nhà trường thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính thông qua sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức của Sở Nội vụ; Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Ngành giáo dục; thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm: Phần mềm quản lý tài sản, Phần mềm kế toán IMAS, Phần mềm quản lý thu phí SSC [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra hằng năm của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6 [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04].

Mức 3

Hằng năm, trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.4-04]. Trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường cập nhật đầy đủ hệ thống văn bản; hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư; ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Căn cứ trên tình hình và nhu cầu thực tế các nguồn thu tại đơn vị, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch và nhiệm vụ năm học, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên, nhân viên qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.7-01].

b) Trong từng năm học, hiệu trưởng căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực công tác của cán bộ, giáo viên, nhân viên để bố trí phân công cụ thể cho từng bộ phận hợp lý và phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ vào đầu năm học nhằm phát huy hiệu quả công việc từng cá nhân phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.7-02].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định: trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, bảo hộ lao động để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đi học nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

Mức 2

Để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, ngoài việc phân công đúng vị trí việc làm [H1-1.7-02], nhà trường còn tạo điều kiện khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đóng góp, xây dựng các chuyên đề, kế hoạch

góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.7-01]. Tuy nhiên, còn 01 bảo vệ chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và 01 nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn, 02 nhân viên phụ bếp chưa qua lớp đào tạo.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực chuyên môn.

3. Điểm yếu

01 bảo vệ chưa tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ; 01 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phụ bếp chưa tham gia lớp sơ cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên; phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực chuyên môn theo quy định, tạo điều kiện cho 01 bảo vệ tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ; 01 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phụ bếp tham gia lớp sơ cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Chương trình Giáo dục mầm non và văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 để xây dựng kế hoạch năm học của trường, của bộ phận chuyên môn và làm căn cứ chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của trường, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Kế hoạch giáo dục tại các nhóm, lớp được thực hiện đầy đủ theo năm, tháng, ngày cụ thể cho từng độ tuổi và thực hiện trên phần mềm Mindjet Mindmanager [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục các nhóm, lớp được phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục kiểm duyệt và rà soát, đánh giá hàng tuần để hướng dẫn các nhóm lớp thực hiện, điều chỉnh phù hợp với thực tế [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, còn một giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục của lớp mình phụ trách còn hạn chế.

Mức 2

Cán bộ quản lý tổ chức họp định kỳ chỉ đạo, rút kinh nghiệm công tác chuyên môn; thường xuyên kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch, dự giờ đột xuất để đánh giá và có biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.1-04]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch hoạt động giáo dục theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chương trình giáo dục mầm non và văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6. Kế hoạch giáo dục được xây dựng có rà soát

đánh giá điều chỉnh kịp thời theo tình hình thực tế của nhà trường, chất lượng hoạt động giáo dục ngày càng nâng cao theo từng năm học.

3. Điểm yếu

Còn một giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với lớp mình phụ trách còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn. Phân công phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục đề ra biện pháp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mới ra trường trong việc xây dựng điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19 tháng

5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập [H1-1.7-04]; [H1-1.9-01]. Tuy nhiên, một số nhân viên chưa mạnh dạn tham gia thảo luận, góp ý trong các buổi họp.

b) Trong 05 năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, nặc danh [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ cơ sở đúng quy định gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 [H1-1.9-01].

Mức 2

Công đoàn trường phân công Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ. Hằng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện quy chế và báo cáo cấp trên. Thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch các hoạt động trên bảng tin Công đoàn, bảng tin nội bộ theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên chưa mạnh dạn tham gia thảo luận, góp ý trong các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường; Ban thanh tra nhân dân nghiêm túc công khai, minh bạch việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường. Bên cạnh đó, hiệu trưởng khuyến khích nhân viên mạnh dạn tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực

trong nhà trường [H1-1.10-06]; có tổ chức bữa ăn cho trẻ đảm bảo đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Nhà trường có đặt hộp thư góp ý trước cổng trường và xây dựng nội quy tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-02]; đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.1-04].

c) Trong 05 năm qua, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có tinh thần đoàn kết nội bộ thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-04].

Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường phổ biến, triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm. Bên cạnh đó, các phương án này được giáo viên hướng dẫn cho trẻ thông qua các giờ học, chủ đề, các hoạt động khác trong ngày [H1-1.8-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự; đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả để đảm bảo an toàn cho trẻ và đội ngũ. Đến thời điểm hiện tại nhà trường không xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trong trường học [H1-1.1-04]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh. Trong các năm

học qua, trường luôn đảm bảo tốt an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học; xây dựng phương án đảm bảo an toàn có đầy đủ các nội dung theo quy định. Đồng thời xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn, có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định Điều lệ Trường mầm non, các đoàn thể có trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức điều hành có hiệu quả. Trường có các lớp được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học bán trú. Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Nhà trường có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá cao. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, có lưu trữ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định, phân công và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực đạt hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Một vài thành viên trong Hội đồng chăm sóc kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.



Các đoàn thể, tổ chức tại đơn vị chưa vận động được sự ủng hộ về vật chất của tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để cùng phát triển nhà trường.

Còn một vài giáo viên trẻ chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

Sĩ số trẻ còn biến động ở mỗi tháng do phụ huynh cho bé nghỉ học.

Trường chưa có kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

Còn 01 bảo vệ chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và 01 nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn, 02 nhân viên phụ bếp chưa qua lớp đào tạo.

Còn 01 giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với lớp mình phụ trách còn hạn chế.

Nhân viên chưa mạnh dạn tham gia thảo luận, góp ý trong các buổi họp

Chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định sự phát triển của nhà trường. Vì vậy, nhà trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ đạt yêu cầu về phẩm chất đạo đức, chính trị, tinh thông nghiệp vụ quản lý, năng lực chuyên môn, năng động sáng tạo trong công việc, luôn đoàn kết, thống nhất cao trong thực hiện nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo về mặt chất lượng, có ý thức cao trong công việc, tham gia tích cực các hoạt động phong trào thi đua của nhà trường. Đồng thời, được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật, được đánh giá xếp loại hàng năm theo chuẩn đạo đức nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng.



Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Cán bộ quản lý nhà trường là những người có thời gian làm việc hơn 20 năm trong Ngành giáo dục; có bằng Đại học sư phạm mầm non (phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục), bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục; ứng dụng công nghệ thông tin, có trình độ trung cấp chính trị - hành chính. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ sức khỏe, năng lực quản lý hoạt động của trường [H1-1.4-01];

b) Hằng năm, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục như: nghiệp vụ quản lý, chứng chỉ đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, kiến thức quốc phòng - an ninh, anh văn, tin học [H1-1.4-01]; [H1-1.7-01].

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định của ngành, chủ động nghiên cứu học tập, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên được sự tín nhiệm của giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.4-01]; [H1-1.7-01].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý nhà trường chưa tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng để phát huy tốt nhất năng lực quản lý.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm; được đánh giá xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non và được sự tín nhiệm của đội ngũ sư phạm nhà trường.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý nhà trường chưa tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng để phát huy tốt nhất năng lực quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy phẩm chất đạo đức, trình độ, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao năng lực quản lý, tạo dựng uy tín, sự tín nhiệm trong đội ngũ sư phạm nhà trường. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng sắp xếp công việc để tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý; các lớp bồi dưỡng chuyên môn, phát huy tối đa việc tổ

chức hiệu quả các hoạt động trong nhà trường để cùng với tập thể trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm 2023, nhà trường có 24 giáo viên, hoạt động 12/12 nhóm, lớp; đảm bảo đủ giáo viên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.7-02].

b) 100% giáo viên trong đơn vị đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ Trường mầm non; trong đó có 23/24 (tỷ lệ 95,8%) giáo viên có trình độ Đại học sư phạm mầm non; 01/24 (tỷ lệ 4,2%) giáo viên có trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non (01 giáo viên đang học Đại học sư phạm mầm non) [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

c) Hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá xếp loại theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt từ mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2

a) Trường có 23/24 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt tỷ lệ 95,8%. Trong 05 năm qua, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Hằng năm, 100% giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức khá trở lên. Năm học 2022 - 2023 trường có 100% giáo viên đạt mức tốt [H2-2.2-03].

c) Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-01].

Mức 3

a) Trong năm học 2023 - 2024, nhà trường có 23/24 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ 95,8% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02]. 01/24 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non chưa học nâng chuẩn lên đại học.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên đạt 100%, cụ thể: từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2022 - 2023 có 100% giáo viên đạt mức tốt [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ giáo viên đầy đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, trình độ trên chuẩn đào tạo cao, đạt tỷ lệ 95,8%. Hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; trong đó có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Còn 01 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm mầm non chưa học nâng chuẩn lên đại học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp của giáo viên ở mức tốt là 100%; chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định trên 90%. Đồng thời tạo điều kiện cho 01 giáo viên đi học nâng chuẩn lên đại học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập: có các nhân viên thực hiện các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, trường không có nhân viên y tế, thủ quỹ nhưng có phân công phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng kiêm nhiệm, nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của bản thân [H1-1.7-02].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Hằng năm, 100% nhân viên đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Cụ thể nhà trường có: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, phó hiệu trưởng chăm sóc kiêm nhiệm công tác y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 06 nhân viên nấu ăn [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên của trường được đào tạo theo chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng vị trí việc làm của đơn vị, trong đó: kế toán có trình độ Đại học kế toán, nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư; 02 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ trung cấp nấu ăn, 01 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ sơ cấp [H2-2.3-02]. 01 bảo vệ chưa có



chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ; 01 nhân viên nấu ăn và 02 nhân viên phụ bếp chưa có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn.

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, được phân công, phân nhiệm phù hợp với năng lực, đáp ứng yêu cầu công tác. Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

01 bảo vệ chưa có chứng nhận nghiệp vụ bảo vệ; 01 nhân viên nấu ăn và 02 nhân viên phụ bếp chưa có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì công tác phân công phù hợp với vị trí việc làm, khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia học tập các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Năm học 2023 - 2024, nhà trường xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho 01 nhân viên nấu ăn, 02 phục vụ cấp dưỡng tham gia lớp nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ để có chứng nhận và chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản

Cán bộ quản lý nhà trường chưa tham gia đa dạng các lớp bồi dưỡng để phát huy tốt nhất năng lực quản lý.

Giáo viên chưa mạnh dạn tham gia các lớp học nâng cao trình độ cao hơn như Thạc sĩ sư phạm mầm non.

01 bảo vệ chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và 01 nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn, 02 phục vụ cấp dưỡng chưa qua lớp đào tạo.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi giúp trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, trường Mầm non Rạng Đông 14 đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường được xây dựng kiên cố đảm bảo tính thẩm mỹ, có tổng diện tích sàn xây dựng là 2.848,74 m²; trong đó diện tích sàn xây dựng cơ sở 01 là 2100,34 m²; cơ sở 02 là 748,4 m². Tính đến tháng 9 của năm học 2023 - 2024, nhà trường có 323 trẻ, diện tích bình quân trên mỗi trẻ 2.848,74 m²/323 trẻ, đáp ứng theo quy định so với Điều lệ trường mầm non, đủ đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động học tập, vui chơi cho trẻ ở trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Trường có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non. Khuôn viên trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài bằng gạch, cổng sắt. Trường có 02 cơ sở, 02 cổng chính và 03 cổng phụ, khuôn viên trường luôn đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an ninh trật tự luôn chặt chẽ với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương giúp phụ huynh an tâm khi đưa, đón trẻ đến trường [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp, khuôn viên trường có rào chắn an toàn ngăn cách với bên ngoài [H3-3.1-01]. Sân chơi của

trường được phân chia cụ thể khu vực chơi dành cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo, với nhiều đồ chơi khác nhau; sân trường trồng nhiều cây xanh được bố trí phù hợp với cảnh quan và điều kiện của nhà trường, luôn đảm bảo an toàn cho trẻ em; giúp cho tất cả trẻ em được tiếp cận sử dụng, khám phá, trải nghiệm hàng ngày [H3-3.1-02].

Mức 2

a) Trường Mầm non Rạng Đông 14 có diện tích đất xây dựng khối công trình là $731.14 \text{ m}^2/1.024 \text{ m}^2$; tổng diện tích sân chơi là 292.59 m^2 ; trong đó diện tích sân chơi cơ sở 01 là $212,59 \text{ m}^2$; cơ sở 02 là $102,2 \text{ m}^2$, đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 5 năm 2020 về Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường gạch kiên cố bao quanh, đảm bảo ngăn cách với các khu vực bên ngoài; có sân chơi và khu chơi vận động cho trẻ được bố trí phù hợp. Ngoài ra, trường còn có vườn cây dành riêng cho trẻ được trồng nhiều loại cây và hoa tạo cơ hội cho trẻ chăm sóc, khám phá và học tập [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, sân trường chưa có nhiều cây xanh và ánh nắng tự nhiên giúp trẻ được hoạt động thuận lợi.

c) Khu vực chơi của trẻ được lát gạch bằng phẳng, có các đồ chơi ngoài trời bảo đảm an toàn, phù hợp theo quy định. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước, phù hợp với lứa tuổi. Khu vực sân chơi có thảm cỏ được nhân viên vệ sinh hằng tuần, đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3

Nhà trường bố trí khu vực vui chơi ngoài trời đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập nhằm phát triển vận động; có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: cầu trượt, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, đu quay, bộ đồ chơi an toàn giao thông, thang leo. Ngoài ra, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh. Sân chơi có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài trời theo Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi.

3. Điểm yếu

Sân trường chưa có nhiều cây xanh và ánh nắng tự nhiên giúp trẻ được hoạt động thuận lợi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục sử dụng hiệu quả sân chơi. Đồng thời xây dựng kế hoạch mua sắm, dự trù kinh phí để bổ sung thêm các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để cải tạo sân vườn và trồng thêm nhiều cây xanh giúp trẻ được hoạt động thuận lợi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 13 phòng học phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tương ứng với 12 nhóm, lớp theo độ tuổi; cụ thể gồm: 02 phòng nhóm nhà trẻ và 11 phòng lớp mẫu giáo [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có phòng sinh hoạt chung được sử dụng làm phòng học, phòng ăn và ngủ cho trẻ; có phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

c) Các phòng học, phòng chức năng và các phòng khác của trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát cho trẻ hoạt động. Các phòng có tủ đựng hồ sơ giáo viên, hồ sơ trẻ và có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp theo từng lứa tuổi [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2

a) Nhà trường có 13 phòng sinh hoạt chung, với tổng diện tích 568 m²/323 trẻ, bình quân đạt 1,76 m²/trẻ; phòng giáo dục thể chất có tổng diện tích 99 m²; phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích 88 m²; đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT về việc Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có trang bị đầy đủ tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu tại các lớp học, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng năng khiếu đảm bảo theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-01];

[H3-3.2-02].

Mức 3

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với quen âm nhạc được trang bị các loại nhạc cụ, đồ dùng học tập phục vụ nghệ thuật âm nhạc; ngoài ra trường còn có phòng thư viện của trẻ [H3-3.2-02]. Trường chưa có phòng riêng để cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các phòng sinh hoạt chung cho các lớp. Phòng sinh hoạt chung kết hợp làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động, có tranh ảnh, trang trí đẹp, phù hợp, hành lang cho trẻ hoạt động đảm bảo an toàn. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ sở vật chất hiện có, đồng thời đề xuất cấp lãnh đạo hỗ trợ xây dựng thêm phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học để đảm bảo theo yêu cầu tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Mầm non Rạng Đông 14 có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định như: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc như: bàn làm việc, máy lạnh, máy vi tính, máy in, tủ để tài liệu, tủ đựng hồ sơ chuyên môn, giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe...theo quy định của Điều lệ Trường mầm non [H3-3.3-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đặt ở phía sau các lớp học, được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn và trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2

a) Khối phòng hành chính - quản trị của trường đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non: phòng hiệu trưởng diện tích 15 m²; phòng phó hiệu trưởng diện tích 20 m²/02 phòng; phòng hành chính diện tích 19 m²; hội trường có diện tích 60 m²; phòng y tế diện tích 15 m²; phòng bảo vệ diện tích 7 m²; phòng nhân viên diện tích 14 m²; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 16 m². [H3-3.1-01].

b) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phía sau bên hông khuôn viên trường, có mái che, đảm bảo an toàn [H3-3.3-01]. Tuy nhiên khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chật hẹp, chưa thuận lợi cho việc sắp xếp xe.

Mức 3

Trường có đủ các phòng đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng diện tích 15 m²; phòng phó hiệu trưởng diện tích 20 m²/02 phòng; phòng hành chính diện tích 19 m²; hội trường có diện tích 60 m²; phòng y tế diện tích 15 m²; phòng bảo vệ diện tích 7 m²; phòng nhân viên diện tích 14 m²; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 16 m². [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Các phòng đều có trang thiết bị tối thiểu để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non.

3. Điểm yếu

Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chật hẹp, chưa thuận lợi cho việc sắp xếp xe.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục rà soát, thống kê, lập kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các phòng hành chính quản trị để cải tiến công tác hành chính khoa học, nhanh chóng, hiệu quả. Lên kế hoạch thiết kế, bố trí thêm chỗ để xe cho giáo viên, nhân viên thuận lợi cho việc sắp xếp xe.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: khối phòng tổ chức ăn

Mức 1

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, thiết kế khoa học, thông thoáng theo quy trình bếp một chiều; xung quanh tường bếp được ốp gạch men, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, được bố trí trong khu vực nhà bếp, thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

c) Trường có bố trí tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ; các hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, niêm phong đúng quy định [H3-3.4-01].

Mức 2

Bếp ăn của trường được xây dựng theo đúng quy định, có tổng diện tích của 02 căn phòng là 108 m² [H3-3.1-01]. Nhà bếp được thiết kế độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, gồm có khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chế biến thức ăn, khu chia thức ăn; đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Trường có hệ thống hút khói, thoát mùi, trang bị quạt, có đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công việc chế biến của nhân viên nấu ăn; có đủ các bảng biểu theo quy định; có trang bị lưới chống côn trùng ở các cửa sổ; có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn cho trẻ [H3-3.4-01]. Có đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.4-02]; rác thải

được xử lý đúng quy định [H3-3.4-03]; khu vực để gas an toàn, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ, có hệ thống báo cháy và được kiểm tra định kỳ hàng tháng.

Mức 3

Bếp ăn của trường có tổng diện tích của 02 cỡ sở là 108 m², được xây dựng thiết kế độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; theo qui trình bếp một chiều, hợp vệ sinh. Bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng, cửa sổ có lưới chắn côn trùng và được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, cửa ra vào nhà bếp chưa làm cửa lưới để chống ruồi, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

2. Điểm mạnh

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng thiết kế độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; theo qui trình bếp một chiều, diện tích đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Cửa ra vào nhà bếp chưa làm cửa lưới để chống ruồi, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hoạt động bếp ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo đủ các trang thiết bị, đồ dùng phù hợp với quy định. Trong năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trang bị cửa lưới để chống ruồi, gián hoặc các côn trùng có hại khác tại cửa ra vào nhà bếp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về Ban hành Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non [H1-1.6-02]; [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu mở, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục, an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm kê các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ở các nhóm, lớp [H1-1.6-03]; có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp phù hợp, nhằm đảm bảo an toàn, phục vụ tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định Điều lệ Trường mầm non [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học; đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Ngoài ra, trường tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho công tác dạy học trong nhà trường [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định và các đồ chơi tự làm được các giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]. Tuy nhiên, các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa có độ bền cao và chưa được khai thác, sử dụng đạt hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối internet để phục vụ hoạt động quản lý và hoạt động dạy học; có trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ chơi trong và ngoài danh mục quy định đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hằng năm, trường đều có kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa có độ bền cao và chưa được khai thác, sử dụng đạt hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì việc sử dụng hệ thống máy tính có kết nối mạng để quản lý và dạy học. Hiệu trưởng thường xuyên có kế hoạch kiểm tra, theo dõi để kịp thời sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục và các tổ chuyên môn cùng nghiên cứu, tham khảo cách làm các loại đồ chơi ngoài danh mục, làm thêm đồ chơi dễ làm, đa

dạng về hình thức và có độ bền cao, thuận tiện sử dụng cho nhiều nội dung chơi của trẻ. Bồi dưỡng và hướng dẫn cho giáo viên cách khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ phòng vệ sinh dành cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, có bồn cho trẻ rửa tay; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện và thuận tiện cho cho trẻ sử dụng [H3-3.6-01].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02]. Nhà trường sử dụng nguồn nước máy sạch, đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Hằng năm, nguồn nước đều được xét nghiệm để đảm bảo nước sạch cho trẻ, có giấy chứng nhận của ngành y tế. Nhà trường ký hợp đồng nước uống với công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định [H3-3.4-02].

c) Nhà trường có khu vực để rác được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường. Thùng đựng rác có nắp đậy và có phân loại rác thải. Nhà trường có hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tathada thu gom và xử lý rác theo các quy định. Không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-03]; [H3-3.6-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa bố trí được khu vực để rác ở ngoài nhà trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo thuận tiện, xây dựng phù hợp với cảnh quan của nhà trường: khu vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín có diện tích trung bình 12,58 m²/lớp, có đủ thiết bị phù hợp phục vụ cho vệ sinh cá nhân trẻ; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

b) Trường có hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế cụ thể: trường sử dụng nguồn nước của Công ty Cấp nước Chợ Lớn đảm bảo quy định theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: trường có hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tathada thu gom rác để thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt hằng ngày tại trường theo quy định [H3-3.4-03]; có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Có đủ nước sạch để sử dụng trong nấu ăn, uống và

sinh hoạt hợp vệ sinh; thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường; đáp ứng quy định của Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa bố trí được khu vực để rác ở ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hệ thống nước sạch đảm bảo nguồn nước phục vụ mọi sinh hoạt của nhà trường, hệ thống công rãnh hợp vệ sinh. Bên cạnh đó, hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng nhà vệ sinh theo hướng hiện đại hơn, thực hiện tìm vị trí thuận tiện để bố trí khu vực để rác ở bên ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có đầy đủ các khối phòng hành chính quản trị, phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng, nhà vệ sinh, bếp ăn đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường mầm non.

Trường có hệ thống thoát nước, nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn cho giáo viên, nhân viên và trẻ.

Điểm yếu cơ bản

Sân trường chưa có nhiều cây xanh và ánh nắng tự nhiên giúp trẻ được hoạt động thuận lợi.

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chật hẹp, chưa thuận lợi cho việc sắp xếp xe

Cửa ra vào nhà bếp chưa làm cửa lưới để chống ruồi, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

Tốc độ đường truyền internet còn chậm ảnh hưởng đến việc sử dụng.

Chưa bố trí được khu vực để rác ở ngoài nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu

Để thực hiện mục tiêu giáo dục, không những phải làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trong nhà trường mà còn phải kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội. Xác định được tầm quan trọng cũng như vai trò, vị trí của công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong những năm qua trường Mầm non Rạng Đông 14 không ngừng tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm tạo ra môi trường giáo dục thống nhất.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường, lớp và hoạt động theo đúng Điều lệ nhằm thống nhất kế hoạch hoạt động hằng năm, hỗ trợ thực hiện các công trình nhằm nâng cao công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Giáo viên thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình ăn, ngủ và các hoạt động khác của trẻ qua sổ liên lạc, bản tuyên truyền, giờ đón trả trẻ.

Nhà trường có mối quan hệ tốt với địa phương, chủ động tham mưu với cấp ủy địa phương, các ban ngành có sự phối hợp tốt với công an, quân sự trong việc đảm bảo an ninh, trật tự trong và ngoài nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhóm lớp, trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011.

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động theo năm học; kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường; được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ trẻ tại lớp và tại Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ trẻ vào đầu năm học [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-01].

Mức 2:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ giáo dục để thực hiện các công trình trong nhà trường; thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Tuy nhiên, một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia nhiều vào các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành); Ban đại diện cha mẹ

trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia nhiều vào hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để thu hút sự quan tâm của phụ huynh với các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường luôn chủ động tham mưu phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường như: huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]. Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc dân tộc thiểu số, học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định Nhà nước [H4-4.2-02].

b) Nhà trường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu của ngành giáo dục, kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ [H4-4.1-02]; qua bản tin truyền thông, website của trường, qua trao đổi trực tiếp giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em [H4-4.2-03].

c) Trong 05 năm qua, trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định: nhà trường phối hợp Ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp để tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ và chăm lo trẻ có hoàn cảnh khó khăn đang học tại trường [H4-4.1-01]; [H4-4.2-02].

Mức 2

a) Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, thực hiện nhiệm vụ năm học giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu các năm học [H1-1.1-04]; phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 14 tuyên truyền vận động trẻ ra lớp, hoàn thành hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01].

b) Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, lễ hội Noel, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Giỗ tổ Hùng Vương, lễ tổng kết năm học và lễ ra trường cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi [H4-4.2-04].

Mức 3

Trường Mầm non Rạng Đông 14 thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các đoàn thể như: Ban đại diện cha mẹ trẻ em, Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đóng góp tích cực trong việc thực hiện xây dựng nhà trường trở thành đơn vị văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-05]. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ, từng bước đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản

Một số cha mẹ trẻ do bận công tác nên chưa dành nhiều thời gian cho trẻ chính vì vậy mà việc phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình còn hạn chế.

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non tốt sẽ có tác dụng rất lớn đến chất lượng giáo dục ở bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non Rạng Đông 14, nhằm giúp trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non

Mức 1

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học theo quy định, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 phê duyệt và triển khai đến các tổ chuyên môn và các nhóm, lớp thực hiện [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]. Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt Chương trình Giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non; dựa trên kế hoạch của trường, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi và tình hình thực tế theo đúng với chỉ đạo của ngành [H1-1.8-02].

b) Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager, trên file word, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ. Kế hoạch giáo dục của các lớp được điều chỉnh, bổ sung và phát triển luôn đảm bảo tính vừa sức, đảm bảo tính

khoa học theo nguyên tắc đồng tâm đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường đúng theo Chương trình Giáo dục mầm non quy định [H1-1.8-02].

c) Cán bộ quản lý luôn quan tâm theo dõi, có kế hoạch kiểm tra đánh giá và góp ý giáo viên về việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, giúp giáo viên phát huy những mặt mạnh và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi và tình hình thực tế của lớp [H1-1.4-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2

a) Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Bồi dưỡng, định hướng cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ và tình hình lớp, tránh áp đặt trẻ và bỏ sót nội dung giáo dục. Trong quá trình giảng dạy, khuyến khích giáo viên linh hoạt sử dụng đa dạng phương pháp, các phương tiện dạy học, tận dụng nguồn tài nguyên trên internet, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy...giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành của giáo viên để có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ. Đồng thời, chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp thực hiện phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, còn một vài giáo viên mới khi lập kế hoạch giáo dục chưa bám sát tình hình thực tế của lớp và sự phát triển của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; lựa chọn chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của

nhà trường, địa phương [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, việc phát triển chương trình chưa có sự tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên mới khi lập kế hoạch giáo dục chưa bám sát tình hình thực tế của lớp và sự phát triển của trẻ; việc phát triển chương trình chưa có sự tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục duy trì kết quả thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên mới lập kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế của lớp và sự phát triển của trẻ, đồng thời bồi dưỡng, động viên, khuyến khích giáo viên tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới; mạnh dạn đưa những nội dung mới, phù hợp với trẻ vào nội dung chương trình nhằm thực hiện tốt yêu cầu về phát triển Chương trình Giáo dục mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục theo lứa tuổi của Chương trình Giáo dục mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.8-02].

b) Giáo viên luôn chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu, khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển qua các hoạt động hằng ngày tại trường [H5-5.2-01].

c) Khi tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên lựa chọn nhiều hình thức đa dạng để trẻ được thực hành, trải nghiệm phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm, lớp [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, môi trường lớp giáo viên chưa thay đổi kịp thời theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi chưa phong phú, đa dạng và tính phát triển chưa cao so với khả năng của trẻ.

Mức 2:

Giáo viên tổ chức các hoạt động tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh phù hợp, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ như: bố trí, sắp xếp, tổ chức hoạt động trong lớp, ngoài sân, vườn trường, khu vui chơi...tạo mọi cơ hội để trẻ bộc lộ, diễn

đạt, bày tỏ ý kiến, suy nghĩ của mình. Bên cạnh đó, tùy từng hoạt động giáo viên giúp trẻ có tâm lý thoải mái, trẻ dễ tiếp thu và tích cực tham gia cùng cô và các [H5-5.2-02].

Mức 3:

Giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, giao tiếp nhẹ nhàng với trẻ, trẻ tích cực tham gia các hoạt động. Qua đó giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá thông qua các hoạt động học tập, hoạt động vui chơi mọi lúc mọi nơi.

3. Điểm yếu

01 giáo viên mới ra trường chưa sử dụng hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm để tạo cơ hội cho trẻ khám phá trải nghiệm qua hoạt động vui chơi và học tập để tích lũy và đúc kết kinh nghiệm cho bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động trong ngày của trẻ ngày càng đa dạng và phong phú nhằm giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá thông qua các hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời tăng cường dự giờ bồi dưỡng giáo viên mới linh hoạt sử dụng hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm để tạo cơ hội cho trẻ khám phá trải nghiệm qua hoạt động vui chơi và học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế Quận 6 tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng dinh dưỡng cho trẻ; phối hợp với Trạm Y tế Phường 14 trong các đợt tiêm chủng mở rộng, uống vitamin A tại đơn vị [H5-5.3-01].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng; 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, thực hiện chế độ ăn hợp lý; bổ sung thêm sữa cho trẻ suy dinh dưỡng; đối với trẻ thừa cân, béo phì thì tăng cường lượng vận động, ăn các món

chế biến ở dạng luộc, hấp, rau xanh nhằm hạn chế tăng cân cho trẻ. Tình trạng trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các hình thức tuyên truyền khác nhau như: sổ bé ngoan, bảng tin trường, lớp, group zalo, trang website của trường [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định; chế độ và khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, cân đối khẩu phần dinh dưỡng bằng chương trình Foodkids của Công ty Bảo Công nghệ; thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú theo ngày, theo tuần, theo mùa, các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau gồm một bữa chính và các bữa phụ [H5-5.3-05].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, thực hiện chế độ ăn hợp lý; bổ sung thêm sữa cho trẻ suy dinh dưỡng; đối với trẻ thừa cân, béo phì thì tăng cường lượng vận động, ăn các món chế biến ở dạng luộc, hấp, rau xanh nhằm hạn chế tăng cân cho trẻ. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì chưa xóa được 100%.

Mức 3:

Trong 05 năm học, nhà trường có 95,6% trẻ khỏe mạnh; chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-03]. Cụ thể như sau:

Năm học	Số trẻ suy dinh dưỡng đầu năm (tỷ lệ %)	Số trẻ thừa cân béo phì đầu năm (tỷ lệ %)	Số trẻ suy dinh dưỡng cuối năm (tỷ lệ %)	Số trẻ thừa cân béo phì cuối năm (tỷ lệ %)
2019-2020	05/387 (1,3%)	71/387 (18,3%)	0/05 (0%)	22/71 (31%)

Năm học	Số trẻ suy dinh dưỡng đầu năm (tỷ lệ %)	Số trẻ thừa cân béo phì đầu năm (tỷ lệ %)	Số trẻ suy dinh dưỡng cuối năm (tỷ lệ %)	Số trẻ thừa cân béo phì cuối năm (tỷ lệ %)
2020-2021	06/380 (1,6%)	100/380 (26,3%)	01/06 (16,7%)	48/100 (48%)
2021-2022	06/259 (2,3%)	48/259 (18,5%)	06/06 (100%)	26/48 (45,8%)
2022-2023	08/354 (2,3%)	63/354 (17,8%)	02/08 (75%)	37/63 (41,3%)
2023-2024	11/323 (3,4%)	59/323 (18,3%)		

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chế độ chăm sóc phù hợp với từng đối tượng trẻ, có kế hoạch cụ thể triển khai đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ thông qua bảng tuyên truyền, sổ bé ngoan...để biết được tình hình sức khỏe của trẻ.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì chưa xóa được 100% tất cả các trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng có kế hoạch trang bị thêm đồ dùng, đồ chơi nhằm tăng cường cho trẻ thừa cân, béo phì vận động tại các khu vực sân và sân chơi; chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc điều chỉnh thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ thừa cân, béo phì để tiếp tục nâng cao tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Thường xuyên tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng hợp lý với nội dung phong phú, đa dạng; nâng cao nhận thức của giáo viên và phụ huynh về cách chăm sóc trẻ thừa cân, béo phì qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, truyền thông của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường xây dựng môi trường thân thiện, gần gũi để giúp trẻ thích thú, vui tươi khi đến trường. Chính vì thế, hằng năm tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 - 6 tuổi đạt 95%; đối với trẻ 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi đạt 93%, trẻ nhà trẻ đạt 85% [H1-1.5-02].

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non. Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.1-04];

[H4-4.2-01].

c) Năm học 2019 - 2020 trường có 01 bé khuyết tật. Năm học 2020 - 2021 trường có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03]. Bên cạnh đó, trong 05 năm qua nhà trường có 09 trẻ là con của các hộ nghèo và cận nghèo của địa phương được hỗ trợ tiền ăn trưa và giảm chi phí học tập [H4-4.2-02].

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 95%; đối với trẻ 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi đạt 93%; trẻ nhà trẻ đạt 85% [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ đi học chưa đều vì trẻ còn nhỏ sức đề kháng yếu hay bệnh.

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100% [H4-4.2-01].

c) Năm học 2019 - 2020 trường có 01 bé khuyết tật. Năm học 2020 - 2021 trường có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 3

a) Trong 05 năm qua, nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non, trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100% [H4-4.2-01].

b) Trường có triển khai, thực hiện các văn bản liên quan đến giáo dục cho trẻ khuyết tật. Năm học 2019 - 2020 trường có 01 bé khuyết tật. Năm 2020 - 2021 trường có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ đi học chưa đều vì trẻ còn nhỏ sức đề kháng yếu hay bệnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 11 năm 2023, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, phòng dịch, phòng bệnh tốt cho trẻ để trẻ ít bị bệnh, đồng thời động viên cha mẹ trẻ kiên trì cùng phối hợp với nhà trường trong

ĐƠN
TƯỜNG
A NOI
ĐỒ
14
★

công tác chăm sóc trẻ, động viên cha mẹ trẻ đưa trẻ nhà trẻ đi học đầy đủ, nâng tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ lên 90%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Trường Mầm non Rạng Đông 14 thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, nhằm tạo sự phát triển toàn diện cho trẻ theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh, trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động, tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt cao.

Nhà trường có nhiều biện pháp đảm bảo sức khỏe cho trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng 100%.

100% trẻ hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

Nhà trường có các biện pháp để hạn chế tăng cân cho trẻ dư cân, béo phì qua các hình thức: tuyên truyền với phụ huynh, hội thảo chuyên đề, tăng cường các hoạt động thể dục thể thao.

Điểm yếu cơ bản

Một vài giáo viên mới khi lập kế hoạch giáo dục chưa bám sát tình hình thực tế của lớp và sự phát triển của trẻ.

Một vài giáo viên mới chưa linh hoạt trong việc xử lý tình huống, chưa khơi gợi ý tưởng cho trẻ hoạt động.

Tỉ lệ giảm thừa cân béo phì chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.



Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Qua công tác tự đánh giá, đối chiếu với tổng số 75 chỉ báo của 25 tiêu chí trong 05 Tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non Rạng Đông 14 tự đánh giá kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt: 00/25 Tỷ lệ: 00%

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt: 00/25 Tỷ lệ: 00%

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt: 04/19 Tỷ lệ: 21%
- Số lượng tiêu chí không đạt: 15/19 Tỷ lệ: 79,7%

- Mức đánh giá của Trường Mầm non: Mức 2.

- Trường Mầm non Rạng Đông 14 đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2; Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác kiểm định chất lượng của nhà trường ngày càng nâng cao và hoàn thiện hơn./.

Quận 6, ngày 19 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Vương Thanh Diệp Thủy

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Giai đoạn 2020 - 2025	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh công khai tại bản tin: phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường Cổng thông tin điện tử của trường.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 14

Tiêu chí 1.2	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng hiệu trưởng - Văn thư
	5	[H1-1.1-05]	Sổ họp Hội đồng sư phạm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường	Nhiệm kỳ 2021 - 2026	Ủy ban nhân dân Quận 6 - Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ chấm sáng kiến	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn + Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn. + Nghị quyết Công đoàn; kế hoạch hoạt động Công đoàn; sơ kết, tổng kết của công đoàn, Biên bản họp Công đoàn; tổ Công đoàn; hồ sơ nữ công; hình ảnh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Liên đoàn Lao động Quận 6 - Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Rạng Đông 14	Chủ tịch Công đoàn

			cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan hệ, giấy khen Công đoàn			
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn + Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn. + Nghị quyết chi đoàn; kế hoạch hoạt động chi đoàn; sơ kết, tổng kết của chi đoàn, Biên bản họp chi đoàn, giấy khen Chi đoàn.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Quận đoàn 6 - Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Mầm non Rạng Đông 14	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ chi hội Khuyến học + Quyết định công nhận ban chấp hành Chi hội khuyến học + Kế hoạch hoạt động, hình ảnh hoạt động, giấy khen Chi hội Khuyến học.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Chi hội Khuyến học trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ chi hội Chữ thập đỏ Kế hoạch hoạt động, nội dung hình ảnh hoạt động, giấy khen Hội Chữ thập đỏ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Chi hội Chữ thập đỏ trường	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách

				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Mầm non Rạng Đông 14	chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ + Quyết định chuẩn y công nhận chi ủy, bí thư, phó bí thư. + Sổ họp chi bộ + Kết quả phân tích chất lượng đảng viên, giấy khen Chi bộ Đảng	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Chi bộ trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ cá nhân của cán bộ quản lý (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng; giấy khen)	Quyết định bổ nhiệm, văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen	Ủy ban nhân dân Quận 6 - Các đơn vị cấp bằng	Văn thư
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng + Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc

			+ Quyết định tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng; kế hoạch hoạt động tổ; biên bản họp tổ			giáo dục - Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ kiểm tra toàn diện, chuyên đề của giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý tài chính (trong đó có Quyết định; dự toán; các chứng từ xây dựng, mua sắm; quản lý tài sản, tài chính; bảng chi lương cho đội ngũ; kế hoạch phương án trung hạn; hóa đơn mua đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, biên bản kiểm tra tài chính, tài sản)	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ lưu trữ công văn, văn bản Sổ đăng ký công văn đến - đi	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

				Năm 2023		
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp quận	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh các lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán
	3	[H1-1.5-03]	Hồ sơ trẻ khuyết tật	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng

						phụ trách chăm sóc giáo dục - Văn thư
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Trưởng Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán
	2	[H1-1.6-02]	Sổ tài sản các nhóm, lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trưởng Mầm non Rạng Đông 14	Các nhóm, lớp
	3	[H1-1.6-03]	Biên bản kiểm kê tài sản các nhóm, lớp đầu năm và cuối năm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trưởng Mầm non Rạng Đông 14	Các nhóm, lớp



	4	[H1-1.6-04]	Phần mềm quản lý tài chính, tài sản	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Phần mềm quản lý nhân sự, giáo dục, bán trú	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng - Văn thư
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ tổ chức quản lý, Quyết định phân công phân nhiệm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ nâng lương thường xuyên, trước niên hạn	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ quản lý chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng + Kế hoạch + Sổ họp chuyên môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phó hiệu trưởng giáo dục
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ giáo viên: kế hoạch giáo dục, bảng đánh giá khả năng phát	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Giáo viên

NG
JON
H

			triển của trẻ; đánh giá chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra đầu năm, cuối năm. Biên bản kiểm tra chuyên đề của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H1-1.9-02]	Hộp thư góp ý, Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng hiệu trưởng

Tiêu chí 1.10	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Ban Thanh tra nhân dân
	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ an toàn vệ sinh thực phẩm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ an toàn trường học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trường	Phòng phó hiệu trưởng

				Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Mầm non Rạng Đông 14	phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng, chống cháy, nổ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng

	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ cá nhân của giáo viên	Năm học 2023-2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Thống kê trình độ đội ngũ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Đề án vị trí việc làm	Năm 2020 Năm 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ cá nhân của nhân viên	Năm học 2023-2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất, bản thiết kế xây dựng trường	Năm 2015	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường, khuôn viên, các khu vực xung quanh trường rào, khu vực chơi của trẻ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

				Năm học 2022 - 2023		
				Năm học 2023 - 2024		
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
	4	[H3-3.1-04]	Danh sách đồ dùng, đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng sinh hoạt chung (trong đó các tủ kệ các đồ dùng, đồ chơi)	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách



						chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất (trong đó các tủ kệ các đồ dùng, đồ chơi)	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh phòng hành chính - quản trị, y tế, bảo vệ, nhân viên khu vực để xe và trang thiết bị sử dụng tại các phòng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp, kho thực phẩm, tủ lưu mẫu thức ăn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc

						nuôi dưỡng
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng cung cấp nước uống, nước máy, giấy xét nghiệm nước uống, nước máy.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng xử lý rác thải	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong danh mục	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng

		Danh sách đồ chơi ngoài danh mục	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		phụ trách chăm sóc giáo dục
2	[H3-3.5-02]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự tạo của các lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Nhóm, lớp
3	[H3-3.5-03]	Kế hoạch trang bị, mua sắm, sửa chữa	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán
4	[H3-3.5-04]	Hóa đơn thanh toán cước phí internet	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Kế toán

Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh của trẻ, của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H3-3.6-03]	Hình ảnh khu vực để rác của lớp, của nhà trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc

						nuôi dưỡng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H4-4.1-02]	Hình ảnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ miễn giảm học phí	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư

	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh tuyên truyền: bản tin lớp, trường, group zalo lớp, website của trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
	4	[H4-4.2-04]	Hồ sơ tổ chức và hình ảnh hoạt động lễ hội, hoạt động ngoại khóa	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục
	5	[H4-4.2-05]	Hồ sơ đơn vị văn hóa	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Văn thư
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh môi trường trong và ngoài lớp học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Giáo viên

				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	2	[H5-5.2-02]	Hình ảnh giờ hoạt động của trẻ (hoạt động góc, học, ăn, ngủ, rửa tay, lau mặt, chải răng); hoạt động khám phá trải nghiệm.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Giáo viên
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ Y tế	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H5-5.3-02]	Sổ sức khỏe trẻ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Giáo viên

	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H5-5.3-04]	Kế hoạch truyền thông	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H5-5.3-05]	Thực đơn Bảng tổng hợp khẩu phần dinh dưỡng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc

103

						nuôi dưỡng
--	--	--	--	--	--	---------------